

Bản án số: 148/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Bùi Văn Màu**

2. Ông **Phạm Trung Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2021/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hà T**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp 02, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Quốc C**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp 02, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T trình bày:* Chị và anh Dương Quốc C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thái Trung. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị phát hiện anh C có quan hệ ngoại tình với người khác. Anh, chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11/2020 đến nay.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Dương Quốc Y, sinh ngày 23/5/2003 và Dương Quốc X, sinh ngày 26/6/2012. Hiện hai con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hết hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Dương Quốc C không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị T xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh Dương Quốc C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị T khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh C vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị và anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh C và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh C nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hà T và anh Dương Quốc C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thái Trung theo Giấy chứng nhận kết hôn số 053, quyển số 01 ngày 23/4/2002. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị phát hiện anh C có quan hệ ngoại tình với người khác. Anh, chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11/2020 đến nay. Anh C đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp pháp để dự các phiên hòa giải, cũng như tại các phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh C đều vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T và xem như anh từ bỏ quyền Y vệ quyền lợi cho mình.

Ngoài ra, vào năm 2020, chị T có nộp đơn xin ly hôn đối với anh C tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè nhưng chị đã rút đơn để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 121/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2020. Tuy nhiên, sau khi rút

đơn đến nay anh, chị cũng không có thời gian nào hàn gắn, đoàn tụ được. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị Nguyễn Thị Hà T được ly hôn với anh Dương Quốc C là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*: Chị T và anh C có 02 con chung tên Dương Quốc Y, sinh ngày 23/5/2003 và Dương Quốc X, sinh ngày 26/6/2012. Hiện hai con chung đang sống với chị T từ khi vợ chồng ly thân tới nay cũng đã ổn định. Đồng thời, qua lời khai tham khảo 02 con chung Dương Quốc Y và Dương Quốc X đều có nguyện vọng được sống với chị T. Do vậy, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như tình cảm của con chung, nên tiếp tục giao hết 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị T và anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hà T.

- Cho chị Nguyễn Thị Hà T được ly hôn với anh Dương Quốc C.

2. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Hà T.

- Giao hết hai con chung tên Dương Quốc Y, sinh ngày 23/5/2003 và Dương Quốc X, sinh ngày 26/6/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do chị T không có yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí*:

- Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0000504 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*:

- Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh C được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã An X Trung, H. Cái Bè, TG;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN